

Số: 04 /2013/QĐ-UBND

Long An, ngày 10 tháng 01 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định quản lý thống nhất
các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 01/TTr-SNgV ngày 02 tháng 01 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Giao Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 59/2009/QĐ-UBND ngày 19/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế về quản lý các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Long An, Khoản 1 Điều 5 Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 10/4/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế về xét duyệt và quản lý đoàn của tỉnh ra nước ngoài và đoàn nước ngoài vào tỉnh trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tân An và các cơ quan, tổ chức, các nhân có liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KTVBQPPL Bộ Tư pháp;
 - Vụ Pháp chế Bộ Ngoại giao;
 - TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
 - CT, các PCT.UBND tỉnh;
 - UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
 - Như Điều 3;
 - PCVP (VX);
 - Công Thông tin Điện tử tỉnh;
 - Phòng Kiểm soát TTHC;
 - Phòng NCTH;
 - Lưu: VT, SNgV, TB.
- QLTN-CacHoatDongDoiNgoai

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Hữu Lâm

QUY ĐỊNH

Quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Long An

(Kèm theo Quyết định số: 04 /2013/QĐ-UBND ngày 10 /01/2013 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định nguyên tắc quản lý, thẩm quyền quyết định và trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là UBND tỉnh);
- b) UBND các huyện, thành phố Tân An (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện);
- c) Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, các cơ quan cấp tỉnh của các tổ chức: bao gồm tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị);
- d) Các doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn tỉnh;
- đ) Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Nội dung của hoạt động đối ngoại

Hoạt động đối ngoại trong Quy định này bao gồm các nội dung sau:

- 1. Các hoạt động hợp tác, giao lưu với nước ngoài về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.
- 2. Tổ chức và quản lý các đoàn của tỉnh đi công tác nước ngoài (đoàn ra) và đón tiếp các đoàn nước ngoài vào tỉnh (đoàn vào).
- 3. Tiếp nhận các hình thức khen thưởng của Nhà nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng.
- 4. Kiến nghị tặng, xét tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh cho những tập thể, cá nhân nước ngoài đã và đang làm việc trên địa bàn tỉnh và có thành tích xuất sắc được UBND tỉnh công nhận.

5. Tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế trên địa bàn tỉnh.
6. Ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế.
7. Hoạt động đối ngoại liên quan đến công tác quản lý biên giới lãnh thổ quốc gia.
8. Quản lý hoạt động của các tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh.
9. Công tác ngoại giao kinh tế; công tác quản lý, vận động viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.
10. Công tác văn hóa đối ngoại.
11. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.
12. Thông tin tuyên truyền đối ngoại và quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài trên địa bàn tỉnh.
13. Theo dõi, tổng hợp thông tin về tình hình quốc tế và khu vực có tác động đến tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh

1. Bảo đảm tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước trong hoạt động đối ngoại.
2. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý và điều hành tập trung của Nhà nước đối với hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh, sự phối hợp nhịp nhàng giữa tỉnh với Trung ương, giữa UBND tỉnh với UBND huyện, cơ quan, đơn vị nhằm thực hiện có hiệu quả đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.
3. Phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; giữa chính trị đối ngoại, kinh tế đối ngoại, văn hóa đối ngoại và công tác người Việt Nam ở nước ngoài; giữa hoạt động đối ngoại và hoạt động quốc phòng, an ninh; giữa thông tin đối ngoại và thông tin trong nước.
4. Phân công, phân nhiệm rõ ràng, đề cao trách nhiệm và vai trò chủ động của UBND các cấp, các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ đối ngoại theo quy định; bảo đảm sự đồng bộ, kiểm tra, giám sát chặt chẽ và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động đối ngoại.
5. Hoạt động đối ngoại được thực hiện theo chương trình hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, trao đổi thông tin và xin ý kiến theo quy định hiện hành.

Chương II

THẨM QUYỀN VÀ VIỆC TRÌNH DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Điều 4. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND tỉnh về các hoạt động đối ngoại của tỉnh

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm về các hoạt động đối ngoại của tỉnh, bao gồm:

a) Việc đi nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh từ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên, cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh đã nghỉ hưu (trừ trường hợp các đồng chí nguyên Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, nguyên Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định riêng của Bộ Chính trị) và việc đi nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh có sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách.

b) Việc mời các đoàn cấp Tỉnh trưởng của các địa phương có quan hệ hợp tác, hữu nghị truyền thống; các đoàn cấp Thứ trưởng, Phó Tỉnh trưởng hoặc tương đương trở xuống của các nước, các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế vào thăm và làm việc với tỉnh.

c) Việc nhận các danh hiệu, hình thức khen thưởng của tổ chức, cá nhân nước ngoài trao tặng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước của tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Việc xét tặng các danh hiệu khen thưởng cấp tỉnh cho tổ chức, cá nhân nước ngoài đã và đang làm việc tại tỉnh theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các quy định của pháp luật hiện hành.

đ) Việc tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế trong phạm vi quản lý của địa phương theo quy định pháp luật hiện hành; việc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế thuộc thẩm quyền của địa phương theo quy định pháp luật hiện hành.

e) Việc xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC theo quy định.

f) Việc thực hiện chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài theo thẩm quyền.

g) Việc phê duyệt các chương trình, chiến lược liên quan đến ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hoá, đối ngoại nhân dân trong phạm vi thẩm quyền của địa phương.

h) Việc phê duyệt chương trình, chiến lược đối với công tác tuyên truyền đối ngoại trong phạm vi thẩm quyền của địa phương.

i) Việc phê duyệt các khoản viện trợ, tài trợ từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các tổ chức và cá nhân nước ngoài khác mà đối tượng tiếp nhận là các cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

j) Các hoạt động đối ngoại khác thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền:

a) Giám đốc Sở Ngoại vụ quyết định cử hoặc cho phép các đoàn, cán bộ, công chức, viên chức từ ngạch Chuyên viên và tương đương trở xuống đi nước ngoài về việc công (trừ các trường hợp nêu tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quy định này).

b) Chủ tịch UBND huyện, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nêu tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 1 của Quy định này cho phép các đoàn, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý (từ ngạch Chuyên viên và tương đương trở xuống) đi nước ngoài về việc riêng (trừ các trường hợp nêu tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quy định này).

Điều 5. Xây dựng và trình duyệt Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm

1. UBND tỉnh giao Sở ngoại vụ chịu trách nhiệm xây dựng và trình duyệt hồ sơ Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm, nội dung bao gồm:

a) Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại trong năm, Chương trình hoạt động đối ngoại năm sau, Bảng tổng hợp kế hoạch đoàn ra, Bảng tổng hợp kế hoạch đoàn vào (theo mẫu 1, mẫu 2, mẫu 5 kèm theo).

b) Nội dung báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại trong năm và Chương trình hoạt động đối ngoại năm sau được xây dựng căn cứ theo Điều 2 Quy định này.

c) Đối với các vấn đề phức tạp, nhạy cảm, Sở Ngoại vụ chủ động báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh, đồng thời tham khảo ý kiến của Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan trước khi đưa vào Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm.

2. Trước ngày 10 tháng 11 hàng năm, các cơ quan, đơn vị nêu tại Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều 1 của Quy định này có trách nhiệm xây dựng, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm gửi Sở Ngoại vụ tổng hợp. Nội dung của báo cáo trên bao gồm: Tổng kết hoạt động đối ngoại (các hoạt động có liên quan đến đối ngoại trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị), định hướng và kế hoạch hoạt động cho năm sau.

3. Trước ngày 20 tháng 11 hàng năm, Sở Ngoại vụ có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm, trình UBND tỉnh gửi Bộ Ngoại giao tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xét duyệt theo quy định.

4. Sở Ngoại vụ chịu trách nhiệm rà soát việc thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm đã được phê duyệt; khi cần bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi hoặc hủy bỏ các hoạt động trong Chương trình, các cơ quan, đơn vị phải thông báo bằng văn bản cho Sở Ngoại vụ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, đồng thời trao đổi ý kiến với Bộ Ngoại giao và trình Thủ tướng Chính phủ (theo mẫu 3 kèm theo) phê duyệt trước khi thực hiện ít nhất 15 ngày làm việc.

Chương III THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Điều 6. Thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm

1. Cơ quan, đơn vị chủ trì có trách nhiệm chủ động tham mưu UBND tỉnh chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trước khi triển khai thực hiện các hoạt động đối ngoại trong Chương trình, yêu cầu cơ quan, đơn vị phải xây dựng tờ trình kèm theo đề án (theo mẫu 4 kèm theo) gửi Sở Ngoại vụ trình UBND tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.

2. Đối với những hoạt động đối ngoại phát sinh ngoài Chương trình đã được phê duyệt và chưa kịp trình bổ sung Thủ tướng Chính phủ đúng kỳ hạn nhưng không có tính chất phức tạp, nhạy cảm, cơ quan, đơn vị chủ trì chủ động tham mưu

UBND tỉnh giải quyết thông qua Sở Ngoại vụ để tổng hợp gửi Bộ Ngoại giao báo cáo Thủ tướng Chính phủ ngay sau khi kết thúc hoạt động.

3. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các hoạt động đối ngoại hàng năm đã được phê duyệt; giúp UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm của tỉnh.

Điều 7. Tổ chức và quản lý các đoàn của tỉnh ra nước ngoài (đoàn ra)

1. Việc tổ chức theo dõi, quản lý đoàn ra:

a) Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng đề án, kế hoạch đoàn ra của lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là HĐND tỉnh), UBND tỉnh; chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị của các đoàn, cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 quy định này để trình cấp có thẩm quyền cho phép ra nước ngoài; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp UBND tỉnh quản lý, theo dõi, tổng hợp báo cáo thống kê số liệu đoàn ra của tỉnh.

b) Đối với các đoàn, cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Quy định này, văn bản cho phép ra nước ngoài phải được đồng gửi cho Sở Ngoại vụ để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

c) Các đoàn, cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài về việc công có trách nhiệm báo cáo kết quả hoạt động về Sở Ngoại vụ tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh sau khi kết thúc đợt công tác chậm nhất sau 7 ngày làm việc.

d) Chủ tịch UBND huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm theo dõi, quản lý việc đi nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý và báo cáo số liệu đoàn ra của cơ quan, đơn vị trong báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều 19 của Quy định này.

2. Đối với các đoàn đi nước ngoài từ cấp Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND tỉnh trở lên, Sở Ngoại vụ giúp UBND tỉnh thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam ở địa bàn nơi đoàn đến hoạt động và các cơ quan liên quan trước ít nhất 7 ngày làm việc về nội dung, chương trình hoạt động tại quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế tiếp nhận; đồng gửi thông báo cho Bộ Ngoại giao.

3. Sở Ngoại vụ giúp UBND tỉnh hướng dẫn các đoàn đi công tác chủ động liên hệ, tham khảo trước ý kiến của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan liên quan; kịp thời phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan có liên quan xử lý những vấn đề phức tạp, nhạy cảm phát sinh.

Điều 8. Tổ chức đón tiếp các đoàn nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh (đoàn vào)

1. Đối với các đoàn nước ngoài đến thăm và làm việc với lãnh đạo tỉnh:

Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối tham mưu xây dựng đề án, kế hoạch đón tiếp cụ thể các đoàn nước ngoài thuộc quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 của Quy định này đến thăm, làm việc với Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh; tham mưu UBND tỉnh phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao, các cơ quan liên quan trong việc thực hiện các nội dung hoạt động đối ngoại quy định tại Điều 4 Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối với các đoàn là đại diện các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, các tổ chức quốc tế:

- Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối tham mưu cho UBND tỉnh về chương trình, nội dung tiếp và làm việc với đoàn. Các cơ quan, đơn vị chỉ được tiếp và làm việc với các đoàn là đại diện các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài sau khi có ý kiến cho phép của UBND tỉnh và trao đổi, làm việc trong phạm vi nội dung được duyệt.

- Đối với các đoàn ngoại giao, các tổ chức phi chính phủ chưa có giấy phép hoạt động tại Việt Nam, phóng viên báo chí nước ngoài và những đoàn nước ngoài mang tính nhạy cảm, Sở Ngoại vụ có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo xin ý kiến Bộ Ngoại giao theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Đối với các đoàn nước ngoài đến làm việc với cơ quan, đơn vị:

- Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối tiếp nhận, thụ lý hồ sơ và cho phép các tổ chức, cá nhân nước ngoài đến làm việc với cơ quan, đơn vị (trừ các trường hợp nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8 Quy định này).

- Các cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức đón tiếp các đoàn nước ngoài đến làm việc tại tỉnh phải có văn bản đề nghị tiếp đoàn gửi về Sở Ngoại vụ trước ngày đoàn đến (chậm nhất là 7 ngày làm việc). Văn bản đề nghị tiếp đoàn phải bao gồm các nội dung: thời gian, địa điểm, nội dung, chương trình làm việc, danh sách đoàn nước ngoài và thành phần tiếp đoàn; phải chịu trách nhiệm toàn bộ về nội dung đoàn đến hoạt động và phải báo cáo kết quả làm việc gửi Sở Ngoại vụ tổng hợp sau khi tiếp đoàn chậm nhất sau 7 ngày làm việc.

Điều 9. Tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế trên địa bàn tỉnh

1. Đối với các hội nghị, hội thảo quốc tế do UBND tỉnh tổ chức hoặc chủ trì, Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối tham mưu UBND tỉnh xây dựng đề án tổ chức, lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan trước khi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối với các hội nghị, hội thảo quốc tế do các cơ quan, đơn vị chủ trì:

- Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối tiếp nhận và trình Chủ tịch UBND tỉnh cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại địa phương.

- Các cơ quan, đơn vị chủ trì phải có đề án gửi về Sở Ngoại vụ trước khi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế (chậm nhất 7 ngày làm việc). Đề án tổ chức theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; chịu trách nhiệm toàn bộ về nội dung hội nghị, hội thảo và báo cáo kết quả làm việc gửi Sở Ngoại vụ tổng hợp sau khi kết thúc hoạt động chậm nhất 7 ngày làm việc.

3. Đối với tổ chức nước ngoài khi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Đối với các hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài phát sinh đột xuất chưa kịp lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan nhưng không có tính chất phức tạp, nhạy cảm, cơ quan, đơn vị đứng ra tổ chức có trách nhiệm chủ động

phối hợp với Sở Ngoại vụ thực hiện và báo cáo UBND tỉnh sau khi kết thúc hoạt động chậm nhất 7 ngày làm việc.

Điều 10. Ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế

1. Đối với việc ký kết thỏa thuận quốc tế của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối tham mưu UBND tỉnh lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao và các cơ quan có liên quan đến hoạt động hợp tác thuộc thỏa thuận quốc tế theo quy định tại Điều 16 Pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.

2. Đối với việc ký kết thỏa thuận quốc tế của cơ quan, đơn vị:

- Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối tiếp nhận và trình Chủ tịch UBND tỉnh cho phép các cơ quan, đơn vị tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế.

- Cơ quan, đơn vị chủ trì phải có tờ trình (kèm theo dự thảo thỏa thuận), ý kiến đóng góp của các cơ quan liên quan và các văn bản cần thiết khác (khi có yêu cầu) gửi về Sở Ngoại vụ trước khi tổ chức ký kết thỏa thuận quốc tế (chậm nhất 7 ngày làm việc); chịu trách nhiệm toàn bộ về nội dung thỏa thuận và phải báo cáo kết quả làm việc gửi Sở Ngoại vụ tổng hợp sau khi kết thúc hoạt động chậm nhất 7 ngày làm việc.

3. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu, giúp UBND tỉnh lựa chọn đối tác phù hợp để thiết lập các quan hệ hữu nghị, hợp tác tiến tới ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp tỉnh; phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao để được hướng dẫn quy trình, thủ tục ký kết và nội dung văn bản hợp tác; thông tin thường xuyên với Bộ Ngoại giao để kịp thời hỗ trợ, đôn đốc thực hiện các thỏa thuận quốc tế đã ký kết.

Điều 11. Hoạt động đối ngoại liên quan đến công tác quản lý biên giới lãnh thổ quốc gia

Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Long An, UBND các huyện biên giới và các cơ quan liên quan giúp UBND tỉnh nghiên cứu, tổng hợp, đánh giá tình hình quản lý biên giới trên địa bàn tỉnh; tham mưu, đề xuất ý kiến với UBND tỉnh các biện pháp, phương án giải quyết vấn đề biên giới lãnh thổ thuộc địa bàn tỉnh quản lý theo chỉ đạo của Bộ Ngoại giao (Ủy ban Biên giới quốc gia) và theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 12. Quản lý hoạt động của các tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh

1. Công an tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, lực lượng chức năng liên quan giúp UBND tỉnh quản lý, hỗ trợ và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân nước ngoài tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam; chủ động phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan xử lý các vụ việc phát sinh liên quan đến người nước ngoài; thực hiện quản lý hoạt động của các tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm giúp UBND tỉnh phối hợp với Bộ Ngoại giao giải quyết các vấn đề phát sinh đối với các cơ quan lãnh sự nước ngoài hoặc văn phòng đại diện của tổ chức quốc tế được hưởng chế độ ưu đãi, miễn trừ do Bộ Ngoại giao quản lý.

Điều 13. Công tác ngoại giao kinh tế và công tác quản lý, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài

1. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

a) Là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh phối hợp với Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan liên quan đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế và nâng cao năng lực hội nhập kinh tế quốc tế; chủ động đưa nội dung kinh tế vào các hoạt động đối ngoại; tham gia công tác xúc tiến kinh tế, thương mại, đầu tư, du lịch;

b) Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trong kêu gọi cứu trợ khẩn cấp; phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác vận động và viện trợ phi chính phủ nước ngoài; Sở Ngoại vụ chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh trong việc quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tham mưu UBND tỉnh về công tác phi chính phủ nước ngoài và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về công tác quản lý các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, nắm bắt tình hình kinh tế trong và ngoài nước có tác động tới tỉnh, tham mưu UBND tỉnh việc xây dựng môi trường phát triển kinh tế, đầu tư, thương mại phù hợp với tình hình, đặc điểm của tỉnh; thực hiện công tác xúc tiến đầu tư và tổ chức thẩm tra, lựa chọn các đối tác nước ngoài đến đầu tư trên địa bàn tỉnh.

b) Làm đầu mối thụ lý, thẩm định, tiếp nhận và quản lý các dự án viện trợ do tổ chức phi chính phủ và cá nhân nước ngoài tài trợ theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị tỉnh là cơ quan đầu mối trong công tác quan hệ và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài; chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài ở cấp tỉnh.

4. Các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan liên quan khác có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan đầu mối trong công tác ngoại giao kinh tế và công tác quản lý, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

Điều 14. Công tác văn hóa đối ngoại

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng và triển khai các hoạt động văn hóa đối ngoại của tỉnh; xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch hàng năm và dài hạn phù hợp với chiến lược ngoại giao văn hóa của Nhà nước và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ.

Điều 15. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài

Sở Ngoại vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh nghiên cứu, đánh giá công tác về người Việt Nam ở nước ngoài của tỉnh, đề xuất các chính sách về công tác này với Bộ Ngoại giao (Ủy ban nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài); cùng với chính quyền các cấp ở địa phương và các cơ quan có liên quan thực hiện việc hỗ trợ, hướng dẫn, thông tin,

tuyên truyền, vận động và thực hiện chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài có quan hệ với địa phương.

Điều 16. Thông tin tuyên truyền đối ngoại và quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài tại địa phương

1. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

a) Tham mưu UBND tỉnh về công tác quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài, phóng viên thường trú tại địa phương; phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan giải quyết các yêu cầu nghiệp vụ, kỹ thuật; yêu cầu nhập - xuất các phương tiện nghiệp vụ, kỹ thuật; yêu cầu về xuất - nhập cảnh, cư trú, đi lại; cung ứng trợ lý báo chí cho các Văn phòng thường trú và các yêu cầu khác phục vụ cho hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài tại địa phương.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giải quyết các yêu cầu hoạt động thông tin, báo chí của cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại địa phương.

c) Hướng dẫn thi hành những quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài thuộc thẩm quyền của Sở Ngoại vụ; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo thường xuyên hàng năm về việc thực hiện những quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài thuộc thẩm quyền của Sở Ngoại vụ gửi về Bộ Ngoại giao.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Làm đầu mối giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về thông tin tuyên truyền đối ngoại theo quy định pháp luật hiện hành.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc quản lý hoạt động thông tin, báo chí của cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại địa phương: xuất bản, lưu hành ấn phẩm thông tin nước ngoài; hợp báo; đăng tin, bài, phát biểu trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương; trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc quản lý hoạt động thông tin, báo chí của cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại địa phương: treo pa-nô, áp phích, màn hình bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài; chiếu phim, triển lãm và các hoạt động quảng bá khác có mời công dân Việt Nam tham dự.

Điều 17. Theo dõi, tổng hợp thông tin về tình hình quốc tế và khu vực có tác động đến tỉnh

Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn có liên quan chủ động theo dõi, phân tích, tổng hợp thông tin về tình hình chính trị, an ninh, kinh tế quốc tế và khu vực có tác động đến tỉnh, kịp thời báo cáo và đề xuất với UBND tỉnh chủ trương và giải pháp cần thiết.

Điều 18. Giao dịch với đoàn ngoại giao tại Việt Nam

1. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, giúp UBND tỉnh tiến hành các hoạt động tiếp xúc, trao đổi thư tín ngoại giao với các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài và đại diện tổ chức quốc tế tại Việt Nam trong thực hiện công tác đối ngoại; trường hợp phát sinh vấn đề phức tạp, nhạy cảm, cần thông báo cho Bộ Ngoại giao để được hướng dẫn cụ thể.

2. Trường hợp đã có chủ trương của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị chủ động phối hợp với Sở Ngoại vụ tiến hành việc giao dịch với đoàn ngoại giao tại Việt Nam và phải đảm bảo tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 19. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Trong phạm vi 7 ngày làm việc sau khi kết thúc một hoạt động đối ngoại quy định tại Điều 2 Quy định này, các cơ quan, đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh, đồng gửi Sở Ngoại vụ về kết quả thực hiện và đề xuất chủ trương, giải pháp đối với những vấn đề phát sinh, nêu rõ kế hoạch thực hiện các thỏa thuận với đối tác nước ngoài (nếu có).

2. Định kỳ 6 tháng, hàng năm và trong trường hợp đột xuất, các cơ quan, đơn vị chủ trì có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đối ngoại của cơ quan, đơn vị mình cho Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan để theo dõi, tổng hợp báo cáo cấp thẩm quyền theo quy định. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ quy định như sau:

a) Đối với báo cáo định kỳ 6 tháng, các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về Sở Ngoại vụ trước ngày 25 tháng 5 hàng năm;

b) Đối với báo cáo tổng kết hoạt động đối ngoại hàng năm và dự kiến chương trình hoạt động đối ngoại của năm sau, các cơ quan, đơn vị gửi về Sở Ngoại vụ trước ngày 10 tháng 11 hàng năm.

3. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm giúp UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong tỉnh thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Khen thưởng, xử lý kỷ luật

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện các hoạt động đối ngoại của tỉnh thì được khen thưởng theo quy định pháp luật hiện hành; cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động đối ngoại thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này; định kỳ báo cáo UBND tỉnh và Bộ Ngoại giao để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Sở Ngoại vụ tham mưu UBND tỉnh phối hợp với Bộ Ngoại giao bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ đối ngoại và ngoại ngữ cho đội ngũ làm công tác đối ngoại tại địa phương.

3. Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ quy định, có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nội dung trong Quy định này; các cơ quan, đơn vị được giao làm cơ quan đầu mối trong Quy định này có trách nhiệm xây dựng văn bản hướng dẫn cụ thể đối với từng hoạt động đối ngoại và phân công cán bộ, công chức phụ trách hoạt động đối ngoại tại cơ quan, đơn vị; các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp chặt chẽ với Sở Ngoại vụ trong triển khai các hoạt động đối ngoại của tỉnh.

4. Hàng năm, Sở Tài chính cùng với Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan rà soát, cân đối nguồn kinh phí theo khả năng ngân sách để trình cấp thẩm quyền quyết định bố trí kinh phí phục vụ các hoạt động đối ngoại của tỉnh.

5. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Ngoại vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hữu Lâm

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quy định quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số: 04 /2013/QĐ-UBND ngày 10 /01/2013 của UBND tỉnh)

Mẫu 1: Bảng tổng hợp kế hoạch đoàn ra trong năm...

Mẫu 2: Bảng tổng hợp kế hoạch đoàn vào trong năm...

Mẫu 3: Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình hoạt động đối ngoại năm...

Mẫu 4: Đề án thực hiện hoạt động đối ngoại.

Mẫu 5: Báo cáo kết quả công tác đối ngoại địa phương năm...

Tên cơ quan/tổ chức...

Mẫu 2

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐOÀN VÀO NĂM...

STT	Danh nghĩa Đoàn và tính chất hoạt động	Cơ quan, tổ chức, nước cử Đoàn	Cấp Trưởng đoàn	Cơ quan, tổ chức, chủ trì đón Đoàn, nội dung hoạt động chính	Số thành viên Đoàn	Số ngày	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí đón Đoàn
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

1. Danh nghĩa Đoàn và tính chất hoạt động: thăm chính thức, thăm làm việc; nghiên cứu, khảo sát thực tế; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; thực hiện chương trình, đề tài, dự án khoa học...
2. Đến từ nước: ghi rõ tên cơ quan, tổ chức, nước cử Đoàn. Trường hợp đoàn vào thuộc tổ chức quốc tế thì ghi rõ nước đặt trụ sở.
3. Cấp Trưởng đoàn: chức vụ Trưởng đoàn dự kiến
4. Cơ quan, tổ chức chủ trì đón Đoàn; nội dung hoạt động chính: tên cơ quan, tổ chức Việt Nam chủ trì đón đoàn. Những nội dung hoạt động chính của Đoàn trong thời gian ở Việt Nam.
5. Số thành viên Đoàn: ghi rõ số lượng thành viên Đoàn dự kiến
6. Số ngày: tổng số ngày ở Việt Nam.
7. Thời gian thực hiện: ghi cụ thể đến tháng.
8. Nguồn kinh phí: ghi rõ kinh phí đón Đoàn lấy từ nguồn nào (Trung ương chi; cơ quan, tổ chức, địa phương chi; nước ngoài đài thọ; tài trợ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước....)

Tên cơ quan/tổ chức...

Địa điểm, ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi:.....

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình hoạt động đối ngoại năm...

1. Tên hoạt động phát sinh
2. Lý do phát sinh hoạt động
3. Mục đích
4. Quy mô
5. Thời gian
6. Thành phần tham gia (nêu rõ thông tin về đối tác nước ngoài)
7. Kế hoạch triển khai
8. Kinh phí

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM

(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan/tổ chức.....

Địa điểm, ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi:.....

ĐỀ ÁN
THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

1. Bối cảnh
2. Danh nghĩa
3. Mục đích
4. Yêu cầu
5. Nội dung hoạt động
6. Thành phần tham gia
7. Mức độ tiếp xúc (đối với đoàn ra)
8. Mức độ đón tiếp (đối với đoàn vào)
9. Kiến nghị nội dung phát biểu của Trưởng đoàn
10. Nội dung các văn kiện và thỏa thuận hợp tác (nếu có)
11. Mức độ và yêu cầu về thông tin tuyên truyền
12. Chế độ ăn nghỉ
13. Phương tiện đi lại
14. Tặng phẩm, kinh phí

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM
THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI
(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan/tổ chức.....

Địa điểm, ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi:.....

BÁO CÁO
Kết quả công tác đối ngoại địa phương năm...

I. Tình hình và kết quả triển khai toàn diện công tác đối ngoại trong năm

1. Việc thực hiện quy chế quản lý thống nhất đối ngoại tại địa phương
2. Hiệu quả của các hoạt động đã triển khai
 - Mặt được
 - Mặt hạn chế
 - Khó khăn
 - Nguyên nhân
 - Các vấn đề đặt ra

II. Phương hướng công tác đối ngoại năm sau

1. Bối cảnh
2. Các trọng tâm công tác
3. Các điều kiện đảm bảo
4. Các đề xuất, kiến nghị
5. Biện pháp, giải pháp thực hiện

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu:

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
CHỊU TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO
(Ký tên, đóng dấu)